

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 25,300 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 3.7% | -11.2% | -18.4% |

| | |
|-----------------------|-----------------|
| Sàn giao dịch | HNX |
| Khoảng giá 52 tuần | 22,929 - 44,622 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 240 |
| Số lượng CPLH (CP) | 9,500,000 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 310 |
| Sở hữu nước ngoài | 5.9% |
| Beta | (0.08) |
| EPS | 2,412 |
| P/E | 10.5 |

| |
|--------------------|
| DT thuần |
| Q1/24 |
| 164 |
| tỷ VNĐ |
| QoQ: ▲ 6.00 3.6% |

| |
|----------------------|
| LN trước thuế |
| Q1/24 |
| 7.82 |
| tỷ VNĐ |
| QoQ: ▲ 19.5 167% |
| YoY: ▼ 3.88 -33.2% |

| |
|----------------------|
| LN sau thuế |
| Q1/24 |
| 6.22 |
| tỷ VNĐ |
| QoQ: ▲ 16.0 164% |
| YoY: ▼ 3.09 -33.1% |

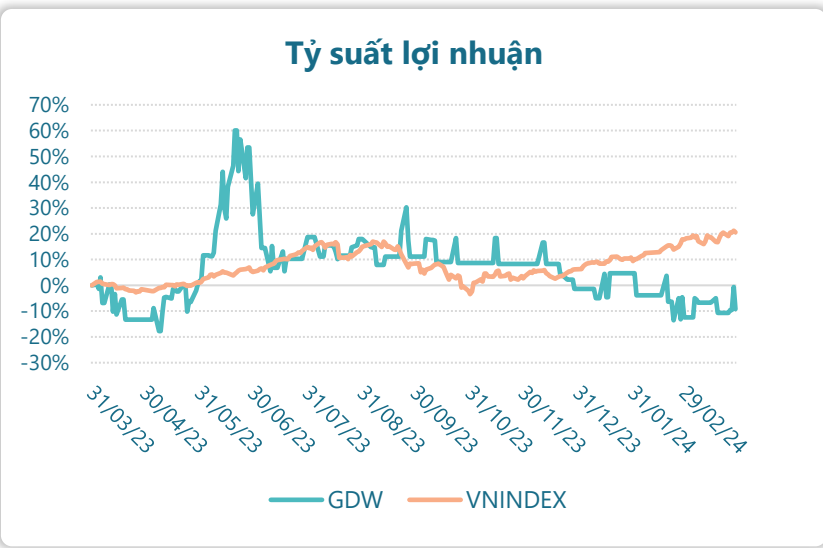
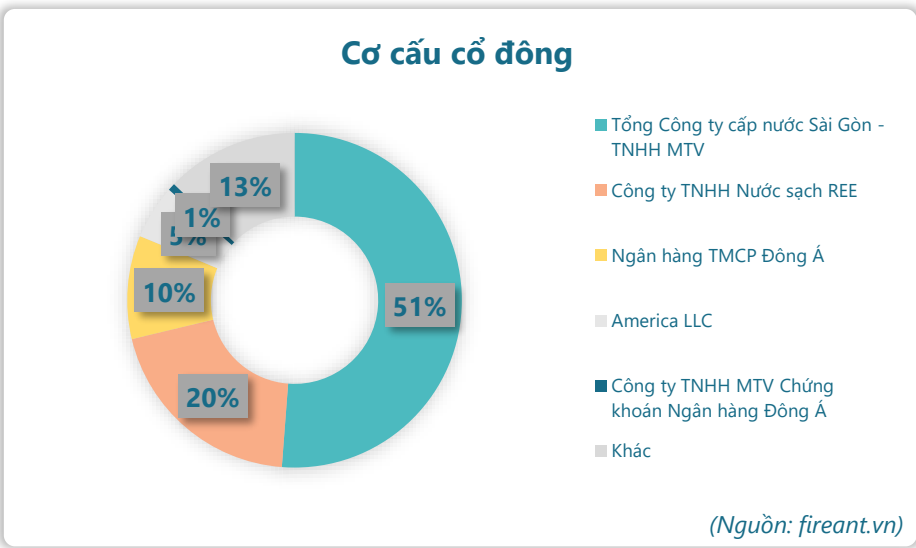
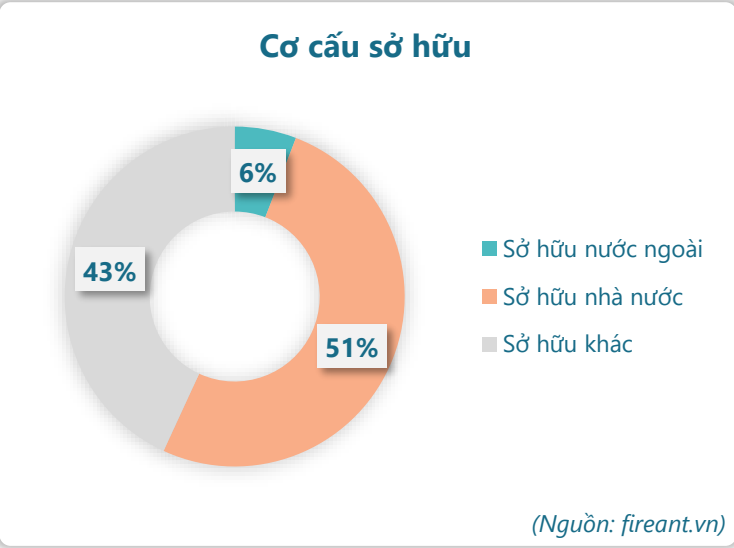
| |
|-----------------|
| ROA |
| 2023 |
| 11.9% |
| +/- YoY: ▲ 4.4% |

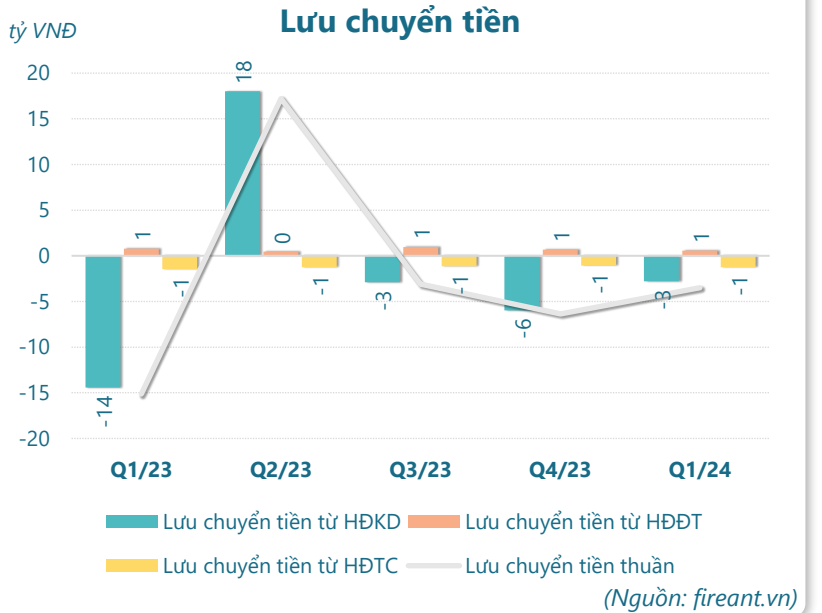
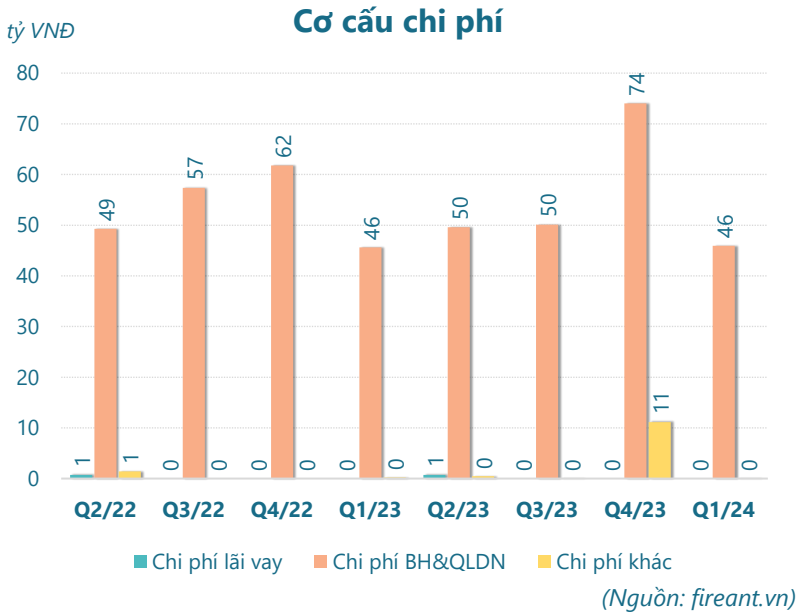
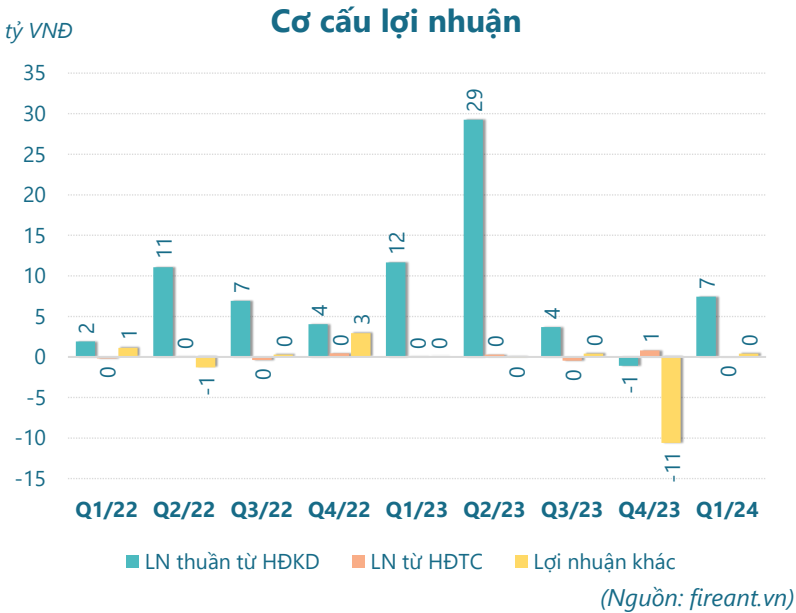
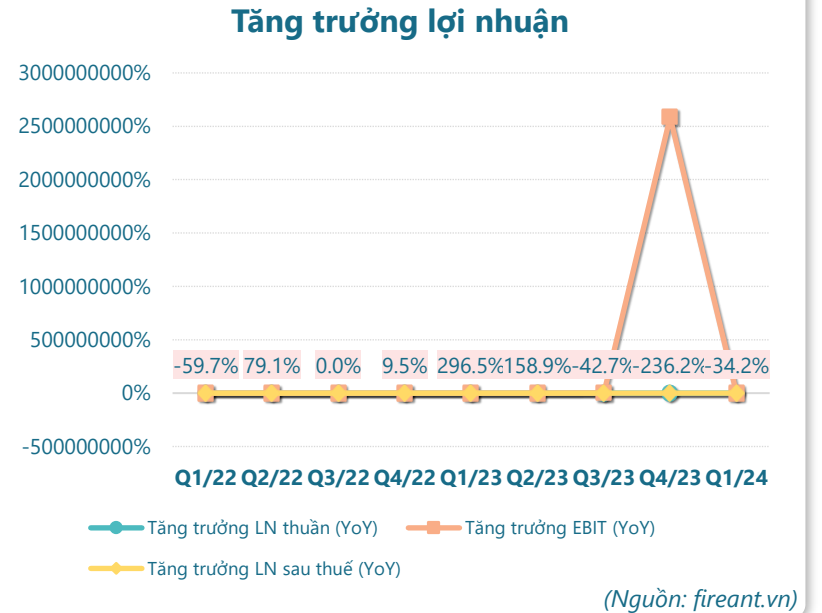
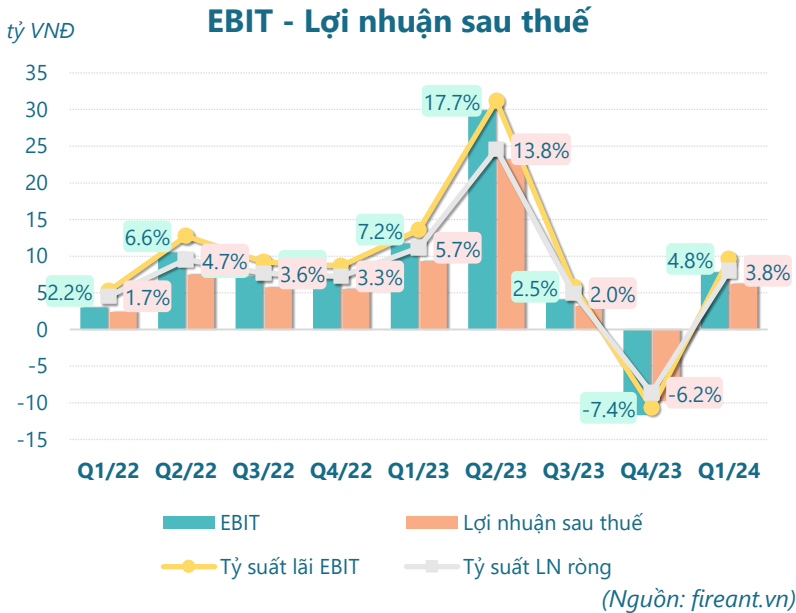
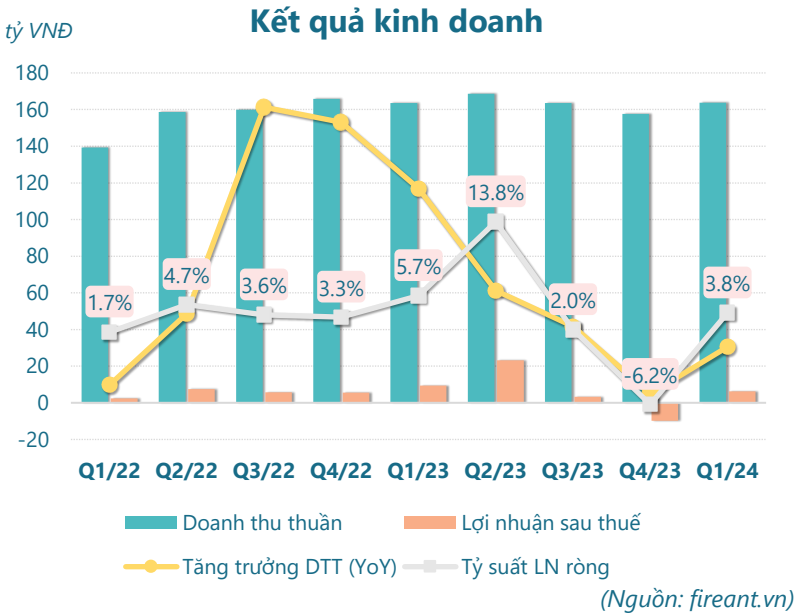
| |
|--------------------|
| DT thuần |
| 2023 |
| 653 |
| tỷ VNĐ |
| YoY: ▲ 29.0 4.7% |

| |
|---------------------|
| LN trước thuế |
| 2023 |
| 45.4 |
| tỷ VNĐ |
| YoY: ▲ 18.4 68.0% |

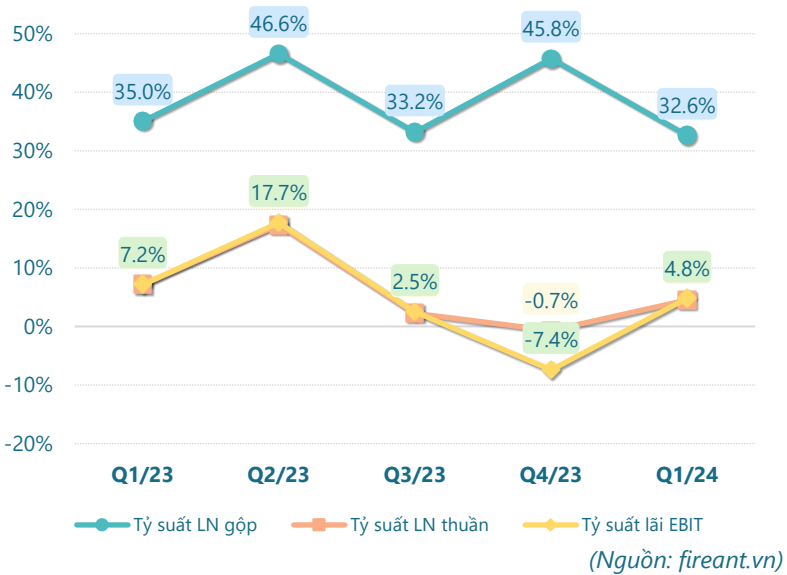
| |
|---------------------|
| LN sau thuế |
| 2023 |
| 36.0 |
| tỷ VNĐ |
| YoY: ▲ 14.8 69.7% |

| |
|-----------------|
| ROE |
| 2023 |
| 20.1% |
| +/- YoY: ▲ 8.1% |

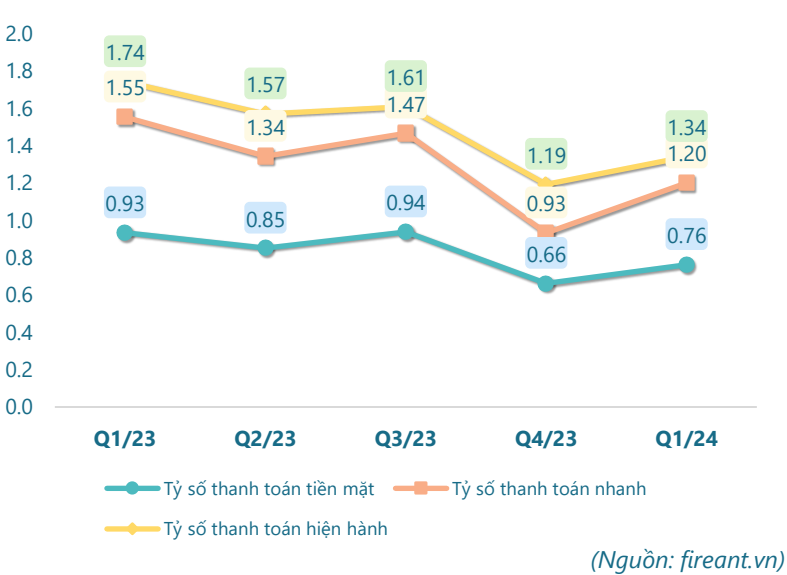




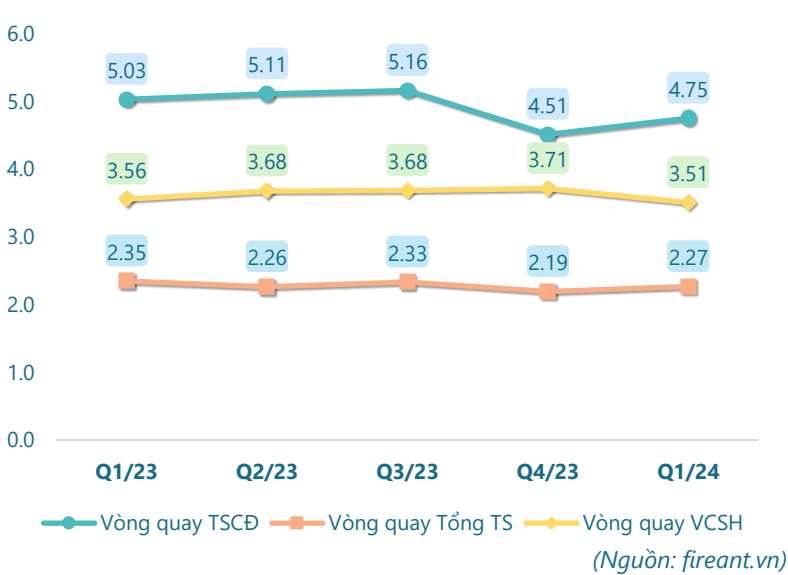
Tỷ suất lợi nhuận



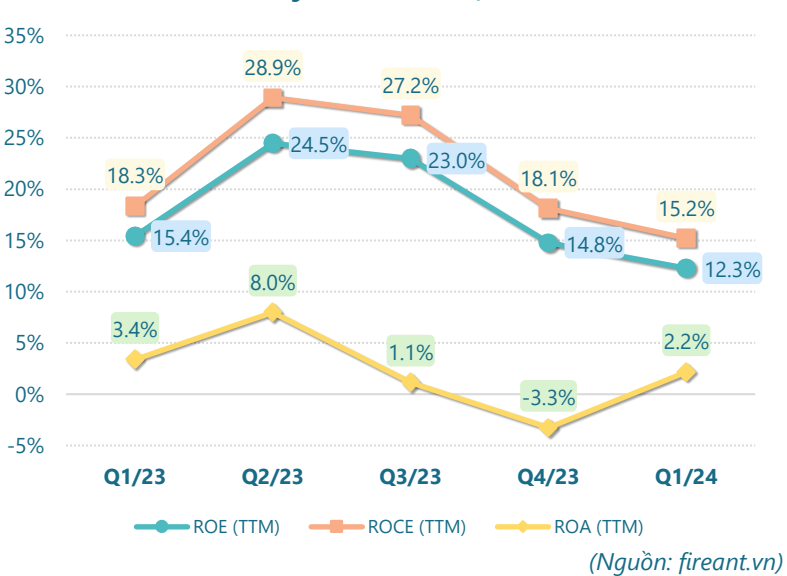
Chỉ số thanh khoản



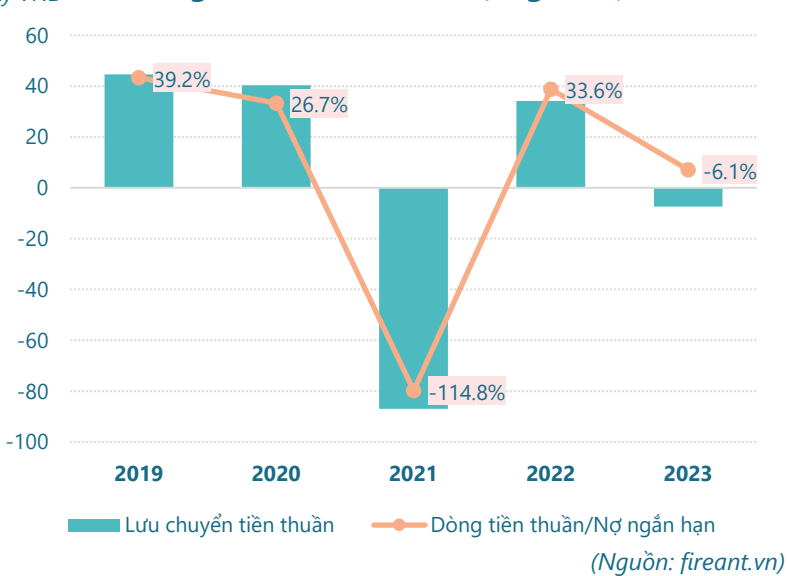
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

